

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

## MỤC LỤC

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Đình Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Hoa Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Hoa Cương	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011)
Ông Đỗ Đình Hùng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011)
Ông Hoàng Hoa Cương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Phong	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Lịch	Phó Giám đốc
Ông Ngô Xuân Trường	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Hoàng Hoa Cương**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2011*

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:**       **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Vinaconex 6**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Trần Thị Thúy Ngọc**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 6 tháng 8 năm 2011*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

---

**Ngô Trung Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>285.917.225.644</b>	<b>256.820.714.991</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.396.072.470</b>	<b>10.932.009.843</b>
1. Tiền	111		4.396.072.470	10.932.009.843
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>3.191.940.000</b>	<b>5.191.940.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.150.638.800	7.150.638.800
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.958.698.800)	(1.958.698.800)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>114.574.354.079</b>	<b>122.817.518.100</b>
1. Phải thu khách hàng	131		94.371.384.952	113.459.634.093
2. Trả trước cho người bán	132		17.488.746.687	9.346.686.524
3. Các khoản phải thu khác	135		2.868.145.838	1.096.126.244
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(153.923.398)	(1.084.928.761)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>162.897.139.299</b>	<b>117.565.068.181</b>
1. Hàng tồn kho	141		162.897.139.299	117.565.068.181
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>857.719.796</b>	<b>314.178.867</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		484.274.878	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	26.405.357
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		373.444.918	287.773.510
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>89.748.005.462</b>	<b>77.391.666.437</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>67.182.085.171</b>	<b>54.589.805.783</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	36.598.229.011	37.721.435.821
- Nguyên giá	222		55.579.465.903	54.897.125.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.981.236.892)	(17.175.690.034)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		300.000.000	300.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(300.000.000)	(300.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	30.583.856.160	16.868.369.962
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>12.637.386.643</b>	<b>12.851.579.637</b>
- Nguyên giá	241		12.851.579.637	12.851.579.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(214.192.994)	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		6.462.500.000	6.462.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(1.512.500.000)	(1.512.500.000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.978.533.648</b>	<b>5.000.281.017</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.978.533.648	5.000.281.017
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>375.665.231.106</b>	<b>334.212.381.428</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>265.302.857.692</b>	<b>248.042.257.918</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>261.262.589.791</b>	<b>242.461.590.017</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	48.906.225.450	35.622.025.899
2. Phải trả người bán	312		126.613.569.817	127.675.805.722
3. Người mua trả tiền trước	313		68.412.275.465	53.808.491.572
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	7.202.955.268	13.369.815.920
5. Chi phí phải trả	316	14	4.749.114.128	4.312.829.339
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	2.897.355.332	3.830.688.419
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	410.371.410
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.481.094.331	3.431.561.736
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.040.267.901</b>	<b>5.580.667.901</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	3.812.790.665	5.353.190.665
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		227.477.236	227.477.236
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>110.362.373.414</b>	<b>86.170.123.510</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>110.362.373.414</b>	<b>86.170.123.510</b>
1. Vốn điều lệ	411		80.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.612.324.709	14.698.824.709
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	2.682.395
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.809.171.560	7.255.609.851
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.545.275.784	272.791.641
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.395.601.361	13.940.214.914
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>375.665.231.106</b>	<b>334.212.381.428</b>

Hoàng Hoa Cương  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2011

Mai Phương Anh  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>226.495.958.969</b>	<b>144.722.503.370</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	10	<b>18</b>	<b>226.495.958.969</b>	<b>144.722.503.370</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	209.016.911.089	124.083.804.055
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	20		<b>17.479.047.880</b>	<b>20.638.699.315</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	540.815.822	588.953.773
7. Chi phí tài chính	22	21	3.703.836.100	2.298.712.989
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.703.836.100</i>	<i>387.138.029</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.092.280.325	7.012.702.343
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	30		<b>7.223.747.277</b>	<b>11.916.237.756</b>
11. Thu nhập khác	31		685.968.547	3.241.418
12. Chi phí khác	32		614.988.828	1.478.695
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40		<b>70.979.719</b>	<b>1.762.723</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		<b>7.294.726.996</b>	<b>11.918.000.479</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	1.963.125.635	2.979.500.120
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)</b>	60		<b>5.331.601.361</b>	<b>8.938.500.359</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>23</b>	<b>994</b>	<b>1.573</b>

**Hoàng Hoa Cương**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2011

**Mai Phương Anh**  
**Kế toán trưởng**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>7.294.726.996</b>	<b>11.918.000.479</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.945.235.037	1.598.932.680
Các khoản dự phòng	03	1.068.994.637	2.877.551.369
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(569.136.624)	(378.646.804)
Chi phí lãi vay	06	1.703.836.100	387.138.029
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>12.443.656.146</b>	<b>16.402.975.753</b>
Giảm các khoản phải thu	09	11.270.185.520	15.453.791.210
(Tăng) hàng tồn kho	10	(45.332.071.118)	(30.527.986.458)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.707.117.481	3.435.130.526
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(462.527.509)	1.980.949.639
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.703.836.100)	(1.315.223.219)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.117.900.000)	(340.640.583)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.681.198.071)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(25.856.573.651)</b>	<b>5.088.996.868</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.369.886.016)	(8.886.902.410)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	161.572.727	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị	23	-	(6.924.904.960)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	641.818.816	1.491.628.316
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.566.494.473)</b>	<b>(14.320.179.054)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	30.000.000.000	16.950.715.225
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.185.745.232	21.374.676.548
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.441.945.681)	(16.975.682.453)
4. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(7.856.668.800)	(5.727.150.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>33.887.130.751</b>	<b>15.622.559.320</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(6.535.937.373)</b>	<b>6.391.377.134</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>10.932.009.843</b>	<b>13.287.084.746</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.396.072.470</b>	<b>19.678.461.880</b>

**Hoàng Hoa Cương**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2011

**Mai Phương Anh**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Xây dựng số 6 được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 890/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xây dựng số 6, là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103000087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 07 năm 2000 và thay đổi bổ sung lần 5 ngày 9 tháng 06 năm 2011 với vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND. Vốn thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 80.000.000.000 VND, trong đó:

- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - nắm giữ 4.080.000 cổ phần tương ứng với 40.800.000.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 3.920.000 cổ phần tương ứng với 39.200.000.000 VND, chiếm 49% vốn điều lệ.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 23/QĐ-TTGDHN ngày 18 tháng 01 năm 2008 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC6.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Văn phòng I, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 420 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 421).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng, các khu đô thị và khu công nghiệp, thi công các loại nền móng, công trình có quy mô lớn, các công trình đường giao thông, cầu, đường bộ, các công trình thủy lợi quy mô vừa (kênh, mương, đê kè, cống, trạm bơm);
- Xây dựng đường dây và trạm biến thế đến 35KV, lắp đặt kết cấu thép, các thiết bị cơ điện, nước, điều không, thông tin tín hiệu, trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xây dựng và phát triển nhà, kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn quản lý dự án công trình;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Xuất khẩu lao động;
- Xuất khẩu xây dựng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính năm của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Công ty đang thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) số 188A/VC-HĐKT ngày 10 tháng 9 năm 2006 với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, cổ đông chính của Công ty. Theo Hợp đồng này, Công ty cùng Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thực hiện “Dự án khu nhà ở H10, Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”. Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam nhận được 25% lợi nhuận sau thuế từ HĐHTKD. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, doanh thu và chi phí liên quan đến HĐHTKD không phát sinh do Công ty đang thực hiện quyết toán công trình này.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty không có hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<b>Tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao (Năm)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm tầng 1 và tầng 2 Khu nhà ở H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí đầu tư xây dựng, phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dàn giáo, cốp pha được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau: Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu, phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.573.850.204	863.671.691
Tiền gửi ngân hàng	2.822.222.266	10.068.338.152
	<u>4.396.072.470</u>	<u>10.932.009.843</u>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	7.150.638.800	7.150.638.800
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.958.698.800)	(1.958.698.800)
	<u>3.191.940.000</u>	<u>5.191.940.000</u>

(i) Khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư mua 210.200 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, mã chứng khoán VCG niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	162.897.139.299	117.565.068.181
	<u><b>162.897.139.299</b></u>	<u><b>117.565.068.181</b></u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>162.897.139.299</b></u>	<u><b>117.565.068.181</b></u>

(i) Trong đó, bao gồm một số hạng mục công trình Đường Láng - Hòa Lạc do Công ty thực hiện thi công xây dựng. Công trình này hiện nay vẫn đang trong quá trình quyết toán về khối lượng công việc hoàn thành. Chưa có bất kỳ điều chỉnh nào (có thể có) liên quan đến việc quyết toán giá trị công trình vì yếu tố chưa chắc chắn này. Theo đó, giá trị cuối cùng sẽ phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt của các bên có thẩm quyền.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	14.183.468.545	30.970.084.724	8.920.151.533	823.421.053	54.897.125.855
Mua sắm	-	1.545.762.727	-	108.637.091	1.654.399.818
Thanh lý, nhượng bán	-	527.618.535	320.273.000	124.168.235	972.059.770
Tại ngày 30/06/2011	<u>14.183.468.545</u>	<u>31.988.228.916</u>	<u>8.599.878.533</u>	<u>807.889.909</u>	<u>55.579.465.903</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	1.856.501.807	12.125.653.728	2.651.554.422	541.980.077	17.175.690.034
Trích khấu hao trong kỳ	290.598.464	1.675.005.407	662.854.051	102.584.121	2.731.042.043
Thanh lý, nhượng bán	-	481.053.950	320.273.000	124.168.235	925.495.185
Tại ngày 30/06/2011	<u>2.147.100.271</u>	<u>13.319.605.185</u>	<u>2.994.135.473</u>	<u>520.395.963</u>	<u>18.981.236.892</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/06/2011	<u><b>12.036.368.274</b></u>	<u><b>18.668.623.731</b></u>	<u><b>5.605.743.060</b></u>	<u><b>287.493.946</b></u>	<u><b>36.598.229.011</b></u>
Tại ngày 31/12/2010	<u><b>12.326.966.738</b></u>	<u><b>18.844.430.996</b></u>	<u><b>6.268.597.111</b></u>	<u><b>281.440.976</b></u>	<u><b>37.721.435.821</b></u>

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.211.442.252 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.625.827.113 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng là 13.590.260.749 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 29.211.218.121 VND). Xem tại Thuyết minh số 12 và 16.

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Sàn tầng 5 nhà 29T2 - Dự án nhà N05	30.583.856.160	16.868.369.962
	<u><b>30.583.856.160</b></u>	<u><b>16.868.369.962</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<u>Nhà cửa</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2011	12.851.579.637	12.851.579.637
Mua sắm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 30/06/2011	<u>12.851.579.637</u>	<u>12.851.579.637</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2011	-	-
Trích khấu hao trong kỳ	214.192.994	214.192.994
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 30/06/2011	<u>214.192.994</u>	<u>214.192.994</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 30/06/2011	<u>12.637.386.643</u>	<u>12.637.386.643</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>12.851.579.637</u>	<u>12.851.579.637</u>

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 12.851.579.637 VND (31 tháng 12 năm 2010 là 12.851.579.637 VND). Tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động, Công ty không trình bày và không xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Công ty không thuê đơn vị định giá độc lập để xác định. Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là “tầng 1 và tầng 2, Khu nhà ở H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>30/06/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Đầu tư dài hạn khác:		
- Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh Vinaconex	3.550.000.000	3.550.000.000
- Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	1.400.000.000	1.400.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước Vinaconex	1.512.500.000	1.512.500.000
	<u>6.462.500.000</u>	<u>6.462.500.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.512.500.000)	(1.512.500.000)
	<u>4.950.000.000</u>	<u>4.950.000.000</u>

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Nợ ngắn hạn	44.868.825.450	31.632.025.899
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	30.688.109.388	15.751.589.922
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (ii)	13.471.614.637	15.780.435.977
- Vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Quân đội (iii)	709.101.425	-
- Vay cá nhân	-	100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	4.037.400.000	3.990.000.000
	<u>48.906.225.450</u>	<u>35.622.025.899</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2009/HĐ ngày 20 tháng 04 năm 2009 đã đáo hạn vào ngày 30 tháng 03 năm 2010 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 178582/2010/HĐTD-HM ngày 01 tháng 06 năm 2010 có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2011. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 60.000.000.000 VND. Khoản vay này được thế chấp bằng những tài sản của Công ty theo các hợp đồng cầm cố đã ký giữa Công ty và Ngân hàng và các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay khi trả hết nợ đã ký giữa bên vay và Ngân hàng (xem tại Thuyết minh số 8). Lãi suất được thanh toán hàng tháng và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất trong trường hợp có sự biến động của lãi suất thị trường vốn.
- (ii) Vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 15/2010/TDHM-VC6 tháng 8 năm 2010. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND trên cơ sở không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của bên cho vay từng thời kỳ, áp dụng mức lãi suất cho lần rút vốn vay đầu tiên là 13,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất cho vay từng lần rút vốn được điều chỉnh 1 hoặc 3 tháng/lần vào ngày 26 của tháng theo quy định của bên cho vay (theo từng giấy nhận nợ).
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 196/MB-DBP ngày 30 tháng 7 năm 2010. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND. Khoản vay được thế chấp bằng 01 xe ô tô Santafe biển kiểm soát 30T-5493 nguyên giá 919.217.143 VND và 01 xe ô tô Altis biển kiểm soát 30T-6197 nguyên giá 746.100.000 VND. Việc áp dụng và điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng và chính sách lãi suất của MB tại thời điểm giải ngân.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.633.256.129	7.985.760.574
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.978.231.545	5.133.005.910
Thuế thu nhập cá nhân	591.467.594	251.049.436
	<u><b>7.202.955.268</b></u>	<u><b>13.369.815.920</b></u>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước của dự án H10 Thanh Xuân Nam	-	1.105.808.806
Chi phí trích trước các công trình	4.679.114.128	2.886.161.389
Chi phí lãi vay	-	107.599.994
Chi phí phải trả khác	70.000.000	213.259.150
	<u><b>4.749.114.128</b></u>	<u><b>4.312.829.339</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	219.600.000
Bảo hiểm thất nghiệp	125.891.450	133.560.511
Lợi nhuận dự án H10 phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	627.388.322
Kinh phí bảo trì Dự án khu nhà ở H10 Thanh Xuân Nam	2.282.768.566	2.282.768.566
Các khoản phải trả, phải nộp khác	488.695.316	567.371.020
	<u>2.897.355.332</u>	<u>3.830.688.419</u>

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	645.106.330	1.245.106.330
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (ii)	3.167.684.335	4.108.084.335
	<u>3.812.790.665</u>	<u>5.353.190.665</u>

(i) Bao gồm các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây:

- Tại ngày 03 tháng 11 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2008/HĐ với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (% năm) + 4%/năm và được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được sử dụng để đầu tư cầu thép. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay (xem tại Thuyết minh số 8).
- Tại ngày 14 tháng 05 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐ với hạn mức tín dụng là 560.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (% năm) + 3,5%/năm và được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được sử dụng để đầu tư cốp pha, thép định hình. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay (xem tại Thuyết minh số 8).
- Tại ngày 24 tháng 07 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 03/2009/HĐ với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (% năm) + 3,5%/năm và được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được sử dụng để đầu tư giáo chống tổ hợp, giáo hoàn thiện và cốp pha thép tổ hợp. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay (xem tại Thuyết minh số 8).
- Tại ngày 24 tháng 07 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 04/2009/HĐ với hạn mức tín dụng là 600.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (% năm) + 3,5%/năm và được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xe ô tô và xe tải gắn cầu. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay (xem tại Thuyết minh số 8).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Bao gồm các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ:
- Tại ngày 21 tháng 04 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 56.2010.051.532484.TD với hạn mức tín dụng là 2.330.000.000 VND. Lãi suất được xác định riêng lẻ cho từng lần rút vốn và được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được sử dụng để đầu tư cầu thép leo tầng và vận thăng lồng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay (xem tại Thuyết minh số 8).
  - Tại ngày 26 tháng 03 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 43.2010.051.532484.TD với hạn mức tín dụng là 2.681.000.000 VND. Lãi suất được xác định riêng lẻ cho từng lần rút vốn và được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được sử dụng để đầu tư tuýt thép và phụ kiện để làm hệ giáo biên pháp ngoài. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay (xem tại Thuyết minh số 8).
  - Tại ngày 21 tháng 06 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 71.2010.051.532484.TD với hạn mức tín dụng là 5.320.000.000 VND. Lãi suất được xác định riêng lẻ cho từng lần rút vốn và được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được sử dụng để đầu tư cầu thép leo tầng, vận thăng lồng và sàn treo ZLP800. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay (xem tại Thuyết minh số 8).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.037.400.000	3.990.000.000
Trong năm thứ hai	3.318.726.965	3.795.106.330
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	494.063.700	1.558.084.335
	<u>7.850.190.665</u>	<u>9.343.190.665</u>
<b>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</b> (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	4.037.400.000	3.990.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>3.812.790.665</u>	<u>5.353.190.665</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

Văn phòng I, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư tại ngày 01/01/2010	40.000.000.000	10.750.000.000	(3.589.100.425)	5.293.404.281	725.733.230	11.815.672.953
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	16.321.470.586
Tăng khác	-	4.049.214.800	3.589.100.425	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	1.962.205.570	560.630.164	5.606.301.627
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	5.727.150.000
Chia lợi nhuận dự án H10 Thanh Xuân Nam cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam năm 2010	-	-	-	-	-	2.381.255.672
Giảm khác	-	100.390.091	-	-	1.013.571.753	482.221.326
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>14.698.824.709</b>	<b>-</b>	<b>7.255.609.851</b>	<b>272.791.641</b>	<b>13.940.214.914</b>
Tăng vốn trong kỳ (i)	30.000.000.000	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	5.331.601.361
Tăng do trích lập các quỹ từ lợi nhuận (ii)	-	-	-	2.022.033.927	816.073.529	-
Tăng khác (iii)	-	-	-	-	456.410.614	-
Trích các quỹ (ii)	-	-	-	-	-	5.876.214.914
Chia cổ tức năm 2010 (ii)	-	-	-	-	-	8.000.000.000
Giảm khác (iii)	-	86.500.000	-	468.472.218	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>14.612.324.709</b>	<b>-</b>	<b>8.809.171.560</b>	<b>1.545.275.784</b>	<b>5.395.601.361</b>

(i) Bán cổ phiếu phổ thông bao gồm:

- Chào bán 3.000.000 cổ phiếu phổ thông theo Giấy chứng nhận chào bán Cổ phiếu ra công chúng số 06/GCN-UBCK ngày 19 tháng 1 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 26 tháng 01 năm 2011, Công ty đã thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã hoàn tất thủ tục chào bán bổ sung số cổ phiếu này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 5 số 0100105503 ngày 09 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	<b>Theo Giấy chứng nhận</b>			<b>Vốn thực góp đến ngày 30/06/2011</b>		
	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Thành tiền</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	4.080.000	51%	40.800.000.000	4.080.000	51%	40.800.000.000
Các cổ đông khác	3.920.000	49%	39.200.000.000	3.920.000	49%	39.200.000.000
	<b>8.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>8.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>

**Cổ tức và trích các quỹ**

(ii) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 18 tháng 04 năm 2011 như sau:

- Cổ tức được chia 15% mệnh giá cổ phiếu tương ứng với số tiền là 8.000.000.000 VND;
- Quỹ đầu tư phát triển được trích là 2.022.033.927 VND;
- Quỹ dự phòng tài chính được trích là 816.073.529 VND;
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích là 2.838.107.458 VND;
- Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành được trích là 200.000.000 VND.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã trích lập các quỹ và chi trả hết cổ tức bằng tiền theo đúng Nghị quyết nêu trên.

(iii) Trong đó, phân loại lại các Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

**Cổ phiếu**

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.000.000	5.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. DOANH THU**

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	226.495.958.969	121.997.501.067
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	-	22.725.002.303
	<u><b>226.495.958.969</b></u>	<u><b>144.722.503.370</b></u>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	209.016.911.089	112.946.778.294
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	-	11.137.025.761
	<u><b>209.016.911.089</b></u>	<u><b>124.083.804.055</b></u>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	454.128.482	378.646.804
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	210.306.969
Doanh thu tài chính khác	86.687.340	-
	<u><b>540.815.822</b></u>	<u><b>588.953.773</b></u>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.703.836.100	387.138.029
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.000.000.000	1.911.574.960
	<u><b>3.703.836.100</b></u>	<u><b>2.298.712.989</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>7.294.726.996</b>	<b>11.918.000.479</b>
Trừ: khoản thuế thu nhập từ lãi chênh lệch tỷ giá của các đội xây dựng (i)	(16.494.836)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	508.291.035	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>7.786.523.195</b>	<b>11.918.000.479</b>
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (ii)	1.946.630.799	2.979.500.120
Khoản thuế thu nhập từ lãi chênh lệch tỷ giá của các đội xây dựng (i)	16.494.836	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.963.125.635</b>	<b>2.979.500.120</b>

- (i) Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ lãi chênh lệch tỷ giá sau khi đã trả cho các đội xây dựng của Công ty.
- (ii) Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Quyết định sau cùng về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.331.601.361	8.938.500.359
Trừ: Lợi nhuận phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	2.172.745.602
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.331.601.361	6.765.754.757
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.362.756	4.301.861
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	994	1.573



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011</b>	<b>Từ ngày 1/1/2010</b>
	<b>đến ngày 30/6/2011</b>	<b>đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	47.882.120.637	22.530.672.744
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ Thuật Vinaconex E&C	-	8.395.473.084
Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	2.593.438.123	2.243.410.066
Công ty Cổ phần Vimeco	2.199.742.048	-
Ban điều hành Dự án An Khánh	13.038.518.106	-
Ban quản lý DA nhà ở XH Phong Bắc	3.478.498.003	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	120.596.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	900.539.000	-
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai	192.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	6.570.886.545	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	10.844.828.378	29.044.005.652
Công ty Cổ phần VIMECO	334.137.653	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	5.267.420.000	539.444.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex E&C	3.899.028.355	8.467.071.329
BQLDA ĐT XD mở rộng đường láng Hoà lạc	771.065.338	-
Ban điều hành DA An Khánh	1.463.641.395	-
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội	-	526.839.045
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	255.140.980	122.485.380
<b>Phải trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	627.388.322
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	21.122.114.438	7.846.863.025
Công ty Cổ phần VIMECO	10.308.623.553	9.890.995.069
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	823.462.800	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	729.339.000	729.339.000
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	10.230.020	106.777.520
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	2.427.158.300
<b>Người mua trả trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.951.633.049	24.405.840.850
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	1.421.520.202	3.495.695.800
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	19.385.800	287.378.800
Ban quản lý Dự án nhà ở XH Phong Bắc	1.101.403.549	-
Ban điều hành Dự án An Khánh	16.862.151.352	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

---

**Hoàng Hoa Cương**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2011*

---

**Mai Phương Anh**  
**Kế toán trưởng**